

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 157/2014/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc tổ chức và thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ đảm bảo khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập (sau đây gọi tắt là dịch vụ kiểm toán) của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kiểm toán đang hoạt động tại Việt Nam, chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp kiểm toán).

2. Kiểm toán viên hành nghề.

3. Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Pháp luật và các quy định là những văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành; các văn bản do tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp và tổ chức khác quy định không trái với pháp luật mà đối tượng được kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán phải tuân thủ.

2. Chuẩn mực nghề nghiệp bao gồm các chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực về dịch vụ soát xét, chuẩn mực về dịch vụ đảm bảo khác, chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

3. Kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán là việc kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán và giám sát hoạt động kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề trên cơ sở các quy định và thủ tục do cơ quan có thẩm quyền xây dựng và ban hành nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan trong quá trình hoạt động.

4. Kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán là việc thực hiện các thủ tục để đánh giá về hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán và đánh giá chất lượng của các hợp đồng dịch vụ kiểm toán đã hoàn thành của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề.

5. Giám sát hoạt động kiểm toán là quy trình quản lý, xem xét và đánh giá thường xuyên việc tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 4. Mục đích kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Đánh giá việc xây dựng, phổ biến và tổ chức thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng nội bộ của doanh nghiệp kiểm toán.

2. Đánh giá tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề.

3. Phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

4. Góp phần sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về kiểm toán độc lập đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán.

Điều 5. Nội dung kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Kiểm tra việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng nội bộ của doanh nghiệp kiểm toán.

2. Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ kiểm toán đã hoàn thành của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề.

3. Kiểm tra tính tuân thủ các quy định khác của pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Việc đăng ký và duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán;

b) Việc đăng ký và duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề;

c) Việc thực hiện kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

d) Việc thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề và các nội dung khác có liên quan.

4. Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật có liên quan theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 6. Hình thức kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Giám sát chất lượng dịch vụ kiểm toán và tình hình tuân thủ quy định pháp luật về kiểm toán độc lập

a) Đánh giá Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng năm do doanh nghiệp kiểm toán gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Đánh giá chất lượng báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán thông qua báo cáo tài chính của các đối tượng bắt buộc phải kiểm toán gửi cho Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan liên quan theo quy định;

c) Đánh giá việc tuân thủ các quy định về đăng ký và duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề và điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán;

d) Giám sát thông qua các báo cáo mà doanh nghiệp kiểm toán hàng năm gửi cho Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định và các thông tin khác thu thập được trong quá trình quản lý.

2. Kiểm tra trực tiếp chất lượng dịch vụ kiểm toán

a) Cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) thành lập Đoàn kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các doanh nghiệp kiểm toán;

b) Kiểm tra dấu hiệu sai phạm về chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề;

c) Kiểm tra xác minh đơn thư, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập.

Điều 7. Đối tượng được kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

Đối tượng được kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán bao gồm:

1. Doanh nghiệp kiểm toán.

2. Kiểm toán viên hành nghề.

Điều 8. Phân công, phối hợp trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề chịu trách nhiệm tự kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán do mình cung cấp.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

4. Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán để đảm bảo các hợp đồng dịch vụ kiểm toán đều được tiến hành phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan;

b) Hàng năm, doanh nghiệp kiểm toán căn cứ vào quy trình kiểm tra trực tiếp chất lượng dịch vụ kiểm toán quy định tại Điều 19 Thông tư này, chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan để vận dụng vào việc tổ chức tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán, có kế hoạch và biện pháp sửa chữa, khắc phục các tồn tại, sai sót phát hiện qua kiểm tra. Khi kết thúc công việc tự kiểm tra, doanh nghiệp kiểm toán lập Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Chậm nhất là ngày 31/5 hàng năm, các doanh nghiệp kiểm toán phải gửi Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính. Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán thì Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán phải được gửi đồng thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

d) Ngoài việc gửi Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán nêu trên, các doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm báo cáo khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan kiểm tra) về hoạt động kiểm toán độc lập.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Xem xét, đánh giá Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán để giám sát việc tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề;

b) Thông báo danh sách doanh nghiệp kiểm toán được kiểm tra trực tiếp chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán;

c) Huy động kiểm toán viên hành nghề và các chuyên gia có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp tham gia Đoàn kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra tại các doanh nghiệp kiểm toán thuộc đối tượng kiểm tra của Bộ Tài chính;

d) Xây dựng, ban hành và cập nhật các tài liệu hướng dẫn kiểm tra để phục vụ cho việc kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán tại các doanh nghiệp kiểm toán thuộc đối tượng kiểm tra của Bộ Tài chính. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra cho các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra do Bộ Tài chính huy động;

đ) Ra quyết định kiểm tra và tổ chức thực hiện việc kiểm tra trực tiếp tại các doanh nghiệp kiểm toán, ngoại trừ các doanh nghiệp kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực tiếp kiểm tra;

e) Lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra và Báo cáo tổng hợp các sai phạm phát hiện qua kiểm tra đối với các cuộc kiểm tra trực tiếp định kỳ tại các doanh nghiệp kiểm toán thuộc đối tượng kiểm tra của Bộ Tài chính;

g) Xử lý sai phạm qua kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

h) Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề thuộc đối tượng kiểm tra của Bộ Tài chính;

i) Tổ chức trao đổi, phổ biến, rút kinh nghiệm qua kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng năm cho kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán thuộc đối tượng kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của Bộ Tài chính.

3. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

a) Xem xét, đánh giá Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán để giám sát việc tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;

b) Đề xuất danh sách các doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán được kiểm tra trực tiếp chất lượng dịch vụ kiểm toán gửi Bộ Tài chính phê duyệt;

c) Huy động kiểm toán viên hành nghề và các chuyên gia có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để tham gia Đoàn kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra tại các doanh nghiệp kiểm toán thuộc đối tượng kiểm tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.